

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỒ SƠ TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

LẠP XUỞNG TƯƠI ĐÀI LOAN VỊ TRUYỀN THỐNG

TCCS 75/VDN/2024

CÔNG TY CPHH VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111 Fax: 0251.3825138

Email: dl-hha@vedaninternational.com

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

SỐ: TCCS 75/VDN/2024

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: 0251.3825111

Fax: 0251.3825138

E-mail: dl-hha@vedaninternational.com

Mã số doanh nghiệp: 3600239719

II. THÔNG TIN VỀ SẢN PHẨM

1. Tên sản phẩm: Lạp xưởng tươi Đài Loan vị truyền thống

2. Thành phần: Thịt heo, mỡ heo, chất ổn định (1412), đường, vỏ bọc xúc xích Collagen, tỏi tươi, muối, chất điều vị (621), tiêu sọ, bột tỏi, bột hành, rượu mai quế lộ, muối đỏ, chất điều chỉnh độ acid (262(i), 260), chất chống oxy hóa (316), phẩm màu tự nhiên (120).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm:

- 2 tháng kể từ ngày sản xuất (khi bảo quản ở nhiệt độ từ 0°C đến 5°C).

- 18 tháng kể từ ngày sản xuất (khi bảo quản ở nhiệt độ $\leq -18^{\circ}\text{C}$).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

a) Quy cách đóng gói (khối lượng tịnh):

200 g, 500 g và các quy cách khác theo yêu cầu của khách hàng.

b) Chất liệu bao bì:

Sản phẩm được đóng trong bao bì nhựa PA. Bao bì sử dụng phù hợp với yêu cầu An toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN FRITZ-FOOD.

Địa chỉ: K2-5, KCN Tân Kim Mở rộng, thị trấn Cần Giuộc, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An,



Việt Nam.

III. MẪU NHÃN SẢN PHẨM

Xem mẫu nhãn đính kèm.

IV. YÊU CẦU VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan Việt Nam kinh doanh sản phẩm “Lạp xưởng tươi Đài Loan vị truyền thống” đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm (mục 3.2).
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (mục 1.6, 2.6, 3.7).
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm (mục 1.9, 2.11).
- Thông tư 24/2019/TT-BYT Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm và Thông tư 17/2023/TT-BYT Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Đồng Nai, ngày 08 tháng 10 năm 2024

TỔNG GIÁM ĐỐC



NI CHIH HAO



Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng
(có trong 100 g sản phẩm)

Năng lượng	≥	300 kcal
Chất đạm	≥	10 g
Carbohydrat	≥	10 g
Chất béo	≥	20 g
Natri	≤	700 mg
Đường tổng số	≤	20 g

Sản phẩm của:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
Địa chỉ: Quốc lộ 5T, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành,
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
Website: www.vedan.com.vn / Free hotline: 1800 599 902

Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN FRITZ - FOOD
Địa chỉ: K2-5, KCN Tân Kim Mỏ rộng, thị trấn Cánh Giò, huyện Cánh Giò, tỉnh Long An, Việt Nam.

ĐỂ BIẾT THÊM
THÔNG TIN SẢN PHẨM
**SCAN
NGAY!**



WEBSITE



FACEBOOK



VEDAN

Lạp Xưởng Tươi Dài Loạn
Vị truyền thống

Tỷ Lệ Vàng



Giữa Thịt Và Mỡ

Khối lượng tịnh
200 g



Hình ảnh chỉ mang
tính chất minh họa



Nướng



Chiên



Trữ đông
-18°C



KHÔNG
HẠN THỜI

Thành phần: Thịt heo, mỡ heo, chất ổn định (1412), đường, vỏ bọc xúc xích Collagen, tỏi tươi, muối, chất điều vị (621), tiêu so, bột tỏi, bột hành, rượu mai quế lộ, muối đỏ, chất điều chỉnh độ acid (262(i), 260), chất chống oxy hóa (316), phẩm màu tự nhiên (120).

Hướng dẫn sử dụng: Chiên, nướng hoặc chế biến tùy ý (nên khứa nhẹ lap xưởng trước khi chế biến).
• Rã đông sản phẩm trước khi chế biến.
• Khi chiên nên chiên lửa nhỏ (nhiệt độ khoảng 120°C trong 3 - 4 phút).

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì.

Hạn sử dụng và hướng dẫn bảo quản:

- 2 tháng kể từ ngày sản xuất. Bảo quản ở nhiệt độ từ 0°C đến 5°C.
- 18 tháng kể từ ngày sản xuất. Bảo quản ở nhiệt độ ≤ -18°C.
- Khi đã mở túi nên dùng hết trong vòng 02 ngày và bảo quản ở nhiệt độ từ 0°C đến 5°C.

Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng hoặc khi dị ứng với các thành phần có trong sản phẩm. Trong dây chuyền sản xuất có thể chứa đậm đầu nành.
TCCS 75/VDN/2024



VEDAN

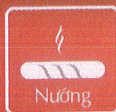
Lạp Xưởng Tươi Đài Loan

Vị truyền thống

Tỷ Lệ Vàng



Giữa Thịt Và Mỡ



Nướng



Chiên



Trữ đông
-18°C



Khối lượng tịnh
500 g

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa

Thành phần: Thịt heo, mỡ heo, chất ổn định (1412), đường, vỏ bọc xúc xích Collagen, tỏi tươi, muối, chất điều vị (621), tiêu sọ, bột tỏi, bột hành, rượu mai quế lộ, muối đỏ, chất điều chỉnh độ acid (262(i), 260), chất chống oxy hóa (316), phẩm màu tự nhiên (120).

Hướng dẫn sử dụng: Chiên, nướng hoặc chế biến tùy ý (nên khứa nhẹ lap xưởng trước khi chế biến).

- Rã đông sản phẩm trước khi chế biến.
- Khi chiên nên chiên lửa nhỏ (nhiệt độ khoảng 120°C trong 3 - 4 phút).

Ngày sản xuất: Xem trên bao bì.

Hạn sử dụng và hướng dẫn bảo quản:

- 2 tháng kể từ ngày sản xuất. Bảo quản ở nhiệt độ từ 0°C đến 5°C.
- 18 tháng kể từ ngày sản xuất. Bảo quản ở nhiệt độ ≤ -18°C.
- Khi đã mở túi nên dùng hết trong vòng 02 ngày và bảo quản ở nhiệt độ từ 0°C đến 5°C.

Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm khi có dấu hiệu hư hỏng hoặc khi đi ứng với các thành phần có trong sản phẩm. Trong dây chuyền sản xuất có thể chứa đậm đặc nành.

TCCS 75/VĐN/2024

Sản phẩm của:

CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM

Địa chỉ: Quốc lộ 51, ấp 1A, xã Phước Thái, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Website: www.vedan.com.vn / Free hotline: 1800 599 902

Sản xuất tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN FRITZ - FOOD

Địa chỉ: K2-5, KCN Tân Kim Mở rộng, thị trấn Cẩm Giuộc, huyện Cẩm Giuộc, tỉnh Long An, Việt Nam.

Thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng (có trong 100 g sản phẩm)

Năng lượng	≈	300 kcal
Chất đạm	≈	10 g
Carbohydrat	≈	10 g
Chất béo	≈	20 g
Natri	≤	700 mg
Đường tổng số	≤	20 g



Để biết thêm
thông tin sản phẩm
**SCAN
NGAY!**



WEBSITE



FACEBOOK



8 935102 421427



CHIH HAO

KT3-05734BTP4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

14/10/2024
Page 01/03

- Tên mẫu
Name of sample : LẠP XƯỞNG TƯƠI ĐÀI LOAN VỊ TRUYỀN THỐNG
- Mô tả mẫu
Sample description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
As received sample is intact package and label.
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 24/09/2024
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 24/09/2024 - 01/10/2024
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN HỮU HẠN VEDAN VIỆT NAM
VEDAN VIETNAM ENTERPRISE CORP., LTD
National Road 51, Hamlet 1A, Phuoc Thai Village, Long Thành
Long Thanh District, Đồng Nai/ Dong Nai Province, Vietnam
- Kết quả thử nghiệm
Test results : Xem trang / *See page* 02 - 03/03

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC/ PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM/
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-05734BTP4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

14/10/2024
Page 02/03

7. Kết quả thử nghiệm : Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Cảm quan / Sensory test ^(*) - Trạng thái / State - Màu sắc / Color - Mùi vị / Odor & taste	QTTN/KT3 234:2019		-	Hình trụ tròn, không bị nứt, bể Round cylinder, no cracks, breaks Đặc trưng của sản phẩm Characteristic of product Đặc trưng của sản phẩm, không có mùi, vị lạ Characteristic of product, free from foreign odor & taste
7.2. Năng lượng/ Calories ^(*) kcal/100 g	QTTN/KT3 024:2018		-	347
7.3. Hàm lượng protein, g/100 g Protein content	TCVN 8134:2009 Kjeldahl method		-	13,9
7.4. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ, g/100 g Carbohydrate content excluding fibre	AOAC 2020.07		-	13,3
7.5. Hàm lượng đường tổng số ⁽¹⁾ , g/100 g Total sugar content	QTTN/KT3 096 : 2017	-	-	6,37
7.6. Hàm lượng béo, g/100 g Total fat content	QTTN/KT3 139:2016 (Có thủy phân)		-	26,5
7.7. Hàm lượng natri, mg/100 g Sodium content	QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC 969.23)	-		483
7.8. Hàm lượng chì, mg/kg Lead content	QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC 999.11)	3,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.9. Hàm lượng cadimi, mg/kg Cadmium content	QTTN/KT3 098:2016 (Ref: AOAC 999.11)	1,80 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-05734BTP4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

14/10/2024
Page 03/03

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.10. Hàm lượng arsen tổng số, mg/kg Total arsenic content	TCVN 8427 : 2010	1,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.11. Hàm lượng aflatoxin tổng số (B1 + B2 + G1 + G2), µg/kg Total aflatoxin content	TCVN 7596 : 2007	0,25		Không phát hiện Not detected
7.12. Hàm lượng aflatoxin B1, µg/kg Aflatoxin B1 content	TCVN 7596 : 2007	0,25		Không phát hiện Not detected
7.13. Hàm lượng ochratoxin A, µg/kg Ochratoxin A content	QTTN/KT3 223 : 2018 (Ref: AOAC 2000.03)	0,3		Không phát hiện Not detected
7.14. Tổng số vi sinh vật hiếu khí, CFU/g Total aerobic plate count	ISO 4833-1:2013, AMD 1:2022	-		Nhỏ hơn 10 ⁽²⁾ Less than
7.15. Escherichia coli, CFU/g	ISO 16649-2:2001	-		Nhỏ hơn 10 ⁽²⁾ Less than
7.16. Salmonella spp /25 g	ISO 6579-1:2017/ Amd.1: 2020	-		Không phát hiện Not detected

Ghi chú/ Note: Hàm lượng protein/ Protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen

- (1): Hàm lượng đường tổng số (fructose + glucose + sacaroza + maltose + lactose + xylose)
(2): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa./ According to the test method, the result is expressed as less than 10 CFU/g when the dish contains no colony.